

Quận 7, ngày 03 tháng 7 năm 2024

Số: 292/BB-MNTK

BIÊN BẢN
NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Báo cáo công khai thực hiện tài chính ngân sách quý 2
& 6 tháng đầu năm 2024

Căn cứ Thông tư số: 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Công văn số 5427/UBND-GDĐT ngày 22/9/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc hướng dẫn thu, sử dụng học phí năm học 2023 – 2024 của các cơ sở Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn Quận 7;

Căn cứ Quyết định số 4539/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND quận 7 về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2024;

Hôm nay, vào lúc 10h30 ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại Trường Mầm non Tân Quy

*** Thành phần tham dự:**

- | | |
|-------------------------------|---------------------------------|
| 1/ Bà: Thân Thị Thanh Tao | - Hiệu trưởng |
| 2/ Bà: Nguyễn Thị Khánh Kim | - Phó Hiệu trưởng |
| 3/ Bà: Tống Thị Thuỳ Trang | - Phó Hiệu trưởng |
| 4/ Bà: Trần Thị Thuỳ Trang | - Thư ký HĐ |
| 5/ Bà: Nguyễn Thị Xuân Nhân | - Trưởng ban thanh tra nhân dân |
| 6/ Bà: Nguyễn Thị Thanh Sương | - Chủ tịch công Đoàn |
| 7/ Bà: Trần Tống Quỳnh Trang | - Kế toán |

*** Nội dung biên bản**

Tiến hành công khai và niêm yết công khai việc thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước Quý 2/2023 & 6 tháng đầu năm 2024, như sau:

- Nội dung niêm yết công khai: Công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước Quý 2/2023 & 6 tháng đầu năm 2024 theo biểu số 03 (Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính) đính kèm.

- Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở Trường Mầm non Tân Quy.

- Địa điểm niêm yết: Tại bảng thông tin cần biết Trường Mầm non Tân Quy.

- Thời gian niêm yết: Kể từ 11h00 phút ngày 03 tháng 7 năm 2024 đến 11h10 ngày 18 tháng 7 năm 2024.

- Biên bản được lập vào lúc 11h00 ngày 03 tháng 7 năm 2024, được lập thành 03 bản: 01 bản niêm yết, 01 bản lưu hồ sơ nhà trường, 01 bản lưu hồ sơ kế toán.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



Trần Thị Thuỳ Trang

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Tao

THÀNH PHẦN THAM DỰ

Nguyễn Thị Khánh Kim



Tổng Thị Thuỳ Trang



Nguyễn Thị Xuân Nhân



Nguyễn Thị Thanh Sương



Trần Tống Quỳnh Trang



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG MẦM NON TÂN QUY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 293/QĐ-MNTQ

Quận 7, ngày 03 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý 2/2024 và 6 tháng đầu năm 2024 của Trường Mầm non Tân Quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON TÂN QUY

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 11/1/2022 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc tổ chức lại Trường Mầm non Tân Quy và Trường Mầm non Sơn Ca thành Trường Mầm non Tân Quy;

Căn cứ Quyết định số 4539/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận 7 về giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý 2/2024 và 6 tháng đầu năm 2024 của Trường Mầm non Tân Quy (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Toàn thể cán bộ, viên chức trường Mầm non Tân Quy chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Phòng Tài chính-Kế hoạch quận 7;
- Như điều 3;
- Niêm yết tại văn phòng;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
MẦM NON
TÂN QUY
Thân Thị Thanh Tao

Quận 7, ngày 03 tháng 7 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non Tân Quy công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2 năm 2024 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2/2024 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi sự nghiệp				
I	Số thu sự nghiệp	6.069	1.344	22,15%	104,67%
1	Hóa đơn bán hàng	518	110	21,24%	0,00%
2	Thu khác	2.232	483	21,64%	108,05%
	Tổ chức phục vụ bán trú	876	192	21,92%	101,59%
	Vệ sinh bán trú	0	0	0,00%	0,00%
	Thiết bị vật dụng bán trú	60	0		
	Anh văn	632	141	22,31%	106,82%
	Thế dục nhịp điệu	248	55	22,18%	94,83%
	Vẽ	248	50	20,16%	94,34%
	Hoạt động giữ trẻ hè	168	45		
3	Thu hộ chi hộ	3.319	751	22,63%	104,31%
	- Đồ dùng học phẩm	53	0		
	- Tiền ăn bán trú	2.134	498	23,34%	108,03%
	- Tiền ăn sáng	987	188	19,05%	78,33%
	- Bảo hiểm tai nạn	10	0		
	- Tiền điện	90	20	22,22%	105,26%
	- Sổ liên lạc điện tử	47	45		
II	Chi từ nguồn thu sự nghiệp				
1	Hóa đơn bán hàng	518	110	21,24%	0,00%
2	Thu khác		474	110,75%	110,75%
	Tổ chức phục vụ bán trú	942	202	21,44%	107,45%
	Vệ sinh bán trú	73	0	0,00%	0,00%
	Thiết bị vật dụng bán trú	60	0		
	Anh văn	570	131	22,98%	110,08%
	Thế dục nhịp điệu	231	48	20,78%	92,31%
	Vẽ	231	48	20,78%	100,00%
	Hoạt động giữ trẻ hè	168	45	26,79%	93,75%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2/2024 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3	Thu hộ chi hộ		775	112,48%	112,48%
	- Đồ dùng học phẩm	53	0		
	- Tiền ăn bán trú	2.134	510	23,90%	119,44%
	- Tiền ăn sáng	987	227	23,00%	94,19%
	- Bảo hiểm tai nạn	10	0		
	- Tiền điện	90	38	42,22%	223,53%
	- Số liên lạc điện tử	45	0		
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6353	1278	20,12%	101,91%
I	Nguồn ngân sách trong nước	6353	1278	20,12%	101,91%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công				
2.2	năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.353	1.278	20,12%	101,91%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.353	1.278	20,12%	101,91%
	6001	2.100	515	24,52%	139,57%
	6051	1.000	274	27,40%	170,19%
	6101	50	13	26,00%	144,44%
	6105	225	17	7,56%	17,71%
	6112	720	190	26,39%	146,15%
	6115	420	106	0,00%	137,66%
	6301	450	108	24,00%	138,46%
	6302	80	19	23,75%	18,27%
	6303	55	13	23,64%	72,22%
	6304	30	6	20,00%	50,00%
	6349	20	3	15,00%	50,00%
	6449	970	0	0,00%	0,00%
	6501	80	0	0,00%	0,00%
	6551	20	3	15,00%	100,00%
	6704	12	3	25,00%	12,00%
	6754	21	8	38,10%	0,00%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				89,64%
	Tiểu mục 6449	2558	640	25,02%	89,64%
	Tiểu mục 6907				
	Tiểu mục 7766				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2/2024 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	tân				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2/2024 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	thông tân				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Thủ trưởng đơn vị

Thân Thị Thanh Tao

THUYẾT MINH CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
QUÝ 2/2024

Dvt: đồng

STT	CHỈ TIÊU			DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH					Ghi chú
	MỨC	MÃ NDKT	NỘI DUNG CHI	Dự toán quý 2/ 2024	12.622.071 Không Tự chủ	13.622.071 Tự chủ	14.622.071 CTTL (TK 10% chi TX)	14.622.071 CTTL (NQ 03)	
1	6000		<i>Tiền lương</i>	515.369.098	-	515.369.098	-	-	
		6001	Lương biên chế	515.369.098		515.369.098			
	6050		<i>Tiền lương HD</i>	274.163.366	-	274.163.366	-	-	
		6051	Lương HD NĐ68	274.163.366		274.163.366			
2	6100		<i>Các khoản phụ cấp</i>	364.475.112	38.987.811	325.487.301	-	-	
		6101	Phụ cấp chức vụ:	12.660.000		12.660.000			
		6105	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ	56.448.809	38.987.811	17.460.998			
		6112	Phụ cấp ưu đãi	189.173.040		189.173.040			
		6113	Phụ cấp trách nhiệm	0					
		6115	Phụ cấp TNVK, PCTNNG	106.193.263		106.193.263			
3	6200		<i>Khen thưởng</i>	-			-	-	
		6201	Khen thưởng cá nhân LDTT	-					
4	6300		<i>Các khoản đóng góp</i>	148.981.664	-	148.981.664	-	-	
		6301	BHXXH	107.820.711		107.820.711			
		6302	BHYT	19.035.292		19.035.292			
		6303	Kinh phí Công đoàn	12.633.086		12.633.086			
		6304	BHTN	6.342.397		6.342.397			
		6349	BHTNLD-BNN	3.150.178		3.150.178			
5	6400		<i>Các khoản thanh toán cá nhân</i>	857.934.705	217.288.406	-	-	640.646.299	
		6449	Chi khác	857.934.705	217.288.406	-		640.646.299	
6	6500		<i>Thanh toán DV công cộng</i>	-	-		-	-	
		6501	Tiền điện	-					
		6502	Tiền nước	-					
		6504	Vệ sinh môi trường	-	-				
7	6550		<i>Vật tư, văn phòng</i>	-	-		-	-	
		6551	Văn phòng phẩm	3.315.000	-	3.315.000			
		6552	Công cụ, dụng cụ	-					

2	6100		Các khoản phụ cấp		364.475.112	38.987.811	325.487.301	-	-
		6599	Vật tư văn phòng khác		-				
8	6600		Thông tin liên lạc		-	-		-	-
		6605	Cước phí ĐT trong nước		-				
		6608	Báo, tạp chí		-				
		6618	Khoản điện thoại		-				
9	6700		Công tác phí		3.000.000	-	3.000.000	-	-
		6704	Công tác phí khoán		3.000.000		3.000.000		
10	6750		Chi phí thuê mướn		8.000.000	-	8.000.000	-	-
		6754	Thuê thiết bị các loại		8.000.000		8.000.000		
		6757							
11	6900		Sửa chữa thường xuyên		-	-		-	-
		6912	TS thiết bị chuyên dùng		-				
		6921	Đường điện, cấp thoát nước		-	-			
12	7000		Chi phí nghiệp vụ CM		-	-		-	-
		7001	Chi mua hàng hóa vật tư		-				
		7049	Chi phí CM khác		-				
16	7750		Chi khác		-	-		-	-
		7756	Phí chuyển khoản ATM		-	-			
		7799	Chi khác		-	-			

* Ghi chú: Công khai niêm yết trên bảng tin từ ngày 04/07/2023 đến ngày 31/07/2023

Ngày 03 tháng 7 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Thân Thị Thanh Tao

Quận 7, ngày 03 tháng 7 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non Tân Quy công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi sự nghiệp				
I	Số thu sự nghiệp	6.069	483	7,96%	48,25%
1	Hóa đơn bán hàng	518		0,00%	0,00%
2	Thu khác	2.232	483	21,64%	100,00%
	Tổ chức phục vụ bán trú	876		0,00%	0,00%
	Vệ sinh bán trú	0		#DIV/0!	0,00%
	Thiết bị vật dụng bán trú	60		0,00%	0,00%
	Anh văn	632		0,00%	0,00%
	Thẻ dực nhíp điều	248		0,00%	0,00%
	Vẽ	248		0,00%	0,00%
	Hoạt động giữ trẻ hè	168			
3	Thu hộ chi hộ	3.319	0	0,00%	0,00%
	- Đồ dùng học phẩm	53			
	- Tiền ăn bán trú	2.134		0,00%	0,00%
	- Tiền ăn sáng	987		0,00%	0,00%
	- Bảo hiểm tai nạn	10			
	- Tiền điện	90		0,00%	0,00%
	- Số liên lạc điện tử	47			
II	Chi từ nguồn thu sự nghiệp		518	#DIV/0!	100,00%
1	Hóa đơn bán hàng	518	518	100,00%	100,00%
2	Thu khác			#DIV/0!	#DIV/0!
	Tổ chức phục vụ bán trú	942		0,00%	0,00%
	Vệ sinh bán trú	73		0,00%	0,00%
	Thiết bị vật dụng bán trú	60		0,00%	0,00%
	Anh văn	570		0,00%	0,00%
	Thẻ dực nhíp điều	231		0,00%	0,00%
	Vẽ	231		0,00%	0,00%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Hoạt động giữ trẻ hè	168		0,00%	
3	Thu hộ chi hộ		0	#DIV/0!	0,00%
	- Đồ dùng học phẩm	53			
	- Tiền ăn bán trú	2.134		0,00%	0,00%
	- Tiền ăn sáng	987		0,00%	0,00%
	- Bảo hiểm tai nạn	10			
	- Tiền điện	90		0,00%	0,00%
	- Số liên lạc điện tử	45			
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8911	0	0,00%	0,00%
I	Nguồn ngân sách trong nước	8911		0,00%	0,00%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công				
2.2	năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.911	2.918	32,75%	128,21%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.353	2.278	35,86%	100,09%
	6001	2.100	870	41,43%	113,87%
	6051	1.000	531	53,10%	164,91%
	6101	50	21	42,00%	116,67%
	6105	225	25	11,11%	16,78%
	6112	720	320	44,44%	120,75%
	6115	420	181	43,10%	113,84%
	6301	450	182	40,44%	568,75%
	6302	80	32	40,00%	145,45%
	6303	55	21	38,18%	84,00%
	6304	30	11	36,67%	220,00%
	6349	20	5	25,00%	8,20%
	6449	970	61	6,29%	15,25%
	6501	80	0	0,00%	0,00%
	6502	90	0	0,00%	0,00%
	6504	10	0	0,00%	0,00%
	6551	20	3	15,00%	0,00%
	6605	0	0	0,00%	0,00%
	6608	0	0	0,00%	0,00%
	6704	12	5	41,67%	0,00%
	6754	21	10	47,62%	0,00%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2558	640	25,02%	91,17%
	Tiêu mục 6449	2558	640	25,02%	91,17%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình,				
9.1	Dự án A				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình,				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Thủ trưởng đơn vị



Thân Thị Thanh Tao

THUYẾT MINH CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	CHỈ TIÊU			Dự toán quý 2/ 2023	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH				Ghi chú
	MỤC	MÃ NDKT	NỘI DUNG CHI		12.622.071 Không tự chủ	13.622.071 Tự chủ	14.622.071 CTTL (TK 10% chi TX)	14.622.071 CTTL (NQ 03)	
1	6000		<i>Tiền lương</i>	869.705.995	-	869.705.995	-	-	
		6001	Lương biên chế	869.705.995		869.705.995			
	6050		<i>Tiền lương HB</i>	530.687.145		530.687.145	-	-	
		6051	Lương HB NĐ68	530.687.145		530.687.145			
2	6100		<i>Các khoản phụ cấp</i>	1.020.917.994	38.987.811	981.930.183	-	-	
		6101	Phụ cấp chức vụ:	21.600.000		21.600.000			
		6105	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ	63.908.841	38.987.811	24.921.030			
		6112	Phụ cấp ưu đãi	319.817.730		319.817.730			
		6113	Phụ cấp trách nhiệm	0		-			
		6115	Phụ cấp TNVK, PCTNNG	181.260.949		181.260.949			
3	6200		<i>Khen thưởng</i>	-	-	-	-	-	
		6201	Khen thưởng cá nhân LĐT	-	-				
		6202	Khen thưởng đột xuất	-	-				
4	6300		<i>Các khoản đóng góp</i>	251.991.185	-	251.991.185	-	-	
		6301	BHXH	182.339.289		182.339.289			
		6302	BHYT	32.185.636		32.185.636			
		6303	Kinh phí Công đoàn	21.398.515		21.398.515			
		6304	BHTN	10.725.849		10.725.849			
		6349	BHTNLD-BNN	5.341.896		5.341.896			
5	6400		<i>Các khoản thanh toán cá nhân</i>	1.145.703.817	443.857.518	61.200.000	-	640.646.299	
		6449	Chi khác	1.145.703.817	443.857.518	61.200.000	-	640.646.299	
6	6500		<i>Thanh toán DV công cộng</i>	-	-		-		
		6501	Tiền điện	-					
		6502	Tiền nước	-					
		6504	Vệ sinh môi trường	-					
		...							

2	6100		Các khoản phụ cấp		1.020.917.994	38.987.811	981.930.183	-	-
7	6550		Vật tư, văn phòng		3.315.000	-	3.315.000	-	-
		6551	Văn phòng phẩm		3.315.000		3.315.000	-	-
		6552	Công cụ, dụng cụ		-			-	-
		6599	Vật tư văn phòng khác		-			-	-
8	6600		Thông tin liên lạc		-	-	-	-	-
		6605	Cước phí ĐT trong nước		0	-		-	-
		6608	Báo, tạp chí		-	-		-	-
		6618	Khoản điện thoại		-	-		-	-
9	6700		Công tác phí		5.000.000	-	5.000.000	-	-
		6704	Công tác phí khoán		5.000.000		5.000.000	-	-
10	6750		Chi phí thuê mướn		10.000.000	-	10.000.000	-	-
		6754	Thuê thiết bị các loại		10.000.000		10.000.000	-	-
		6757			0			-	-
11	6900		Sửa chữa thường xuyên		-	-	-	-	-
		6912	TS thiết bị chuyên dùng		-			-	-
		6921	Đường điện, cấp thoát nước		-	-		-	-
12	7000		Chi phí nghiệp vụ CM		-	-		-	-
		7001	Chi mua hàng hóa vật tư		-			-	-
		7049	Chi phí CM khác		-	-		-	-
16	7750		Chi khác		-	-	-	-	-
		7756	Phí chuyển khoản ATM		-	-		-	-
		7799	Chi khác		-	-		-	-

* Ghi chú: Công khai niêm yết trên bảng tin từ ngày 03/07/2024 đến ngày 18/07/2024

Ngày 03 tháng 7 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Thân Thị Thanh Tao

Số:301/BB-MNTQ

Quận 7, ngày 18 tháng 7 năm 2024

BIÊN BẢN
Kết thúc niêm yết công khai thực hiện chi ngân sách nhà nước
quý 2 và 6 tháng đầu năm 2024

Hôm nay, vào lúc 11h15 ngày 18 tháng 7 năm 2024 tại Trường Mầm non Tân Quy

*** Chúng tôi gồm có:**

- | | |
|-------------------------------|---------------------------------|
| 1/ Bà: Thân Thị Thanh Tao | - Hiệu trưởng |
| 2/ Bà: Tống Thị Thuỳ Trang | - Phó Hiệu trưởng |
| 3/ Bà: Trần Thị Thuỳ Trang | - Thư ký HĐ |
| 4/ Bà: Nguyễn Thị Xuân Nhân | - Trưởng ban thanh tra nhân dân |
| 5/ Bà: Nguyễn Thị Thanh Sương | - Chủ tịch công Đoàn |
| 6/ Bà: Trần Tống Quỳnh Trang | - Kế toán |

- Đã tiến hành kết thúc việc niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách quý 2 và 9 tháng đầu năm 2024

- Thời gian kết thúc niêm yết: Kể từ 11h30 phút ngày 18 tháng 7 năm 2024.

- Biên bản được hoàn thành vào lúc 11h30 cùng ngày và được thống nhất thông qua, niêm yết theo đúng qui định.



HIỆU TRƯỞNG

Thân Thị Thanh Tao

P.HIỆU TRƯỞNG

Tống Thị Thuỳ Trang

KẾ TOÁN

Trần Tống Quỳnh Trang

THÀNH PHẦN THAM DỰ

Nguyễn Thị Xuân Nhân

Nguyễn Thị Thanh Sương

.....
.....

